

Kinh tế Việt Nam

Hoàng Công Tuấn

Trưởng bộ phận kinh tế

Tuan.hoangcong@mbs.com.vn

Lê Minh Anh

Chuyên viên phân tích

Anh.LeMinh@mbs.com.vn

- **CPI tháng 02/2023 tăng 0,45% so với tháng trước (khu vực thành thị tăng 0,47%; khu vực nông thôn tăng 0,42%). So với tháng 12/2022, CPI tháng Hai tăng 0,97% và so với cùng kỳ năm trước tăng 4,31% do giá xăng dầu, giá gas trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới; giá nhà ở thuê tiếp tục tăng do nhu cầu tăng cao sau dịp Tết Nguyên đán.**
- **Trong tháng 2/2023 kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 49,46 tỷ USD, tăng 6,2% so với tháng trước và tăng 1,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Cán cân thương mại hàng hóa tháng Hai ước tính xuất siêu 2,3 tỷ USD. Tính chung hai tháng đầu năm 2023, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 2,82 tỷ USD (cùng kỳ năm trước nhập siêu 0,3 tỷ USD).**
- **Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 02/2023 ước tính tăng 5,1% so với tháng trước và tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global đạt 51.2 điểm trong tháng 2, tăng so với mức 47.4 điểm trong tháng 1.**
- **Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước trong hai tháng đầu năm ước đạt 56,9 nghìn tỷ đồng, bằng 8,3% kế hoạch năm và tăng 18,3% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 bằng 8% và tăng 14,6%). Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam hai tháng đầu năm 2023 ước tính đạt 2,55 tỷ USD, giảm 4,9% so với cùng kỳ năm trước.**
- **Giá trị đồng USD với một số đồng tiền trong khu vực có xu hướng tăng từ đầu tháng 2 cho đến nay. So với cuối tháng 1, tỷ giá VND/USD trên thị trường tự do tăng 245 đồng và hiện giao dịch ở mức 23.755 đồng/USD. Tỷ giá trung tâm và liên ngân hàng lần lượt giao dịch ở mức 23.639 đồng/USD, tăng 30 đồng và 23.669 đồng/USD, tăng 139 đồng.**

Hoạt động kinh tế

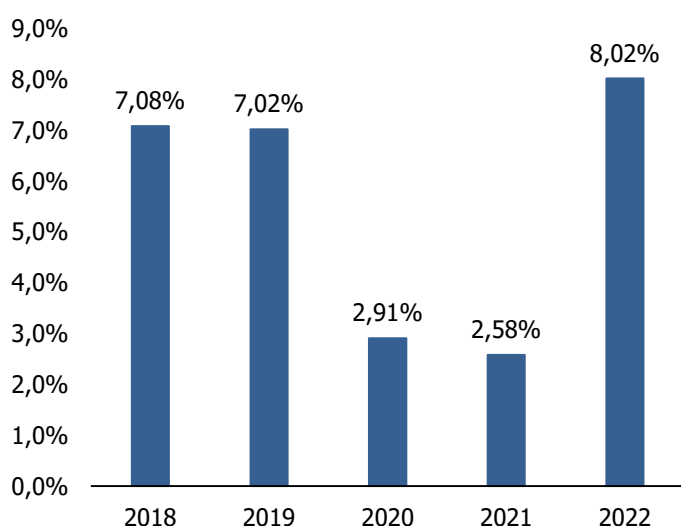
Lạm phát

So với tháng trước, CPI tháng 02/2023 tăng 0,45% (khu vực thành thị tăng 0,47%; khu vực nông thôn tăng 0,42%). So với tháng 12/2022, CPI tháng Hai tăng 0,97% và so với cùng kỳ năm trước tăng 4,31% do giá xăng dầu, giá gas trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới; giá nhà ở thuê tiếp tục tăng do nhu cầu tăng cao sau dịp Tết Nguyên đán.

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 02/2023 tăng 4,31%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 9 nhóm tăng giá và 2 nhóm giảm giá. Nhóm giáo dục tháng 02/2023 tăng cao nhất với 10,4% so với cùng kỳ năm trước do một số địa phương tăng học phí trở lại sau khi đã miễn, giảm học phí trong năm học 2021-2022 để chia sẻ khó khăn với người dân trong đại dịch, đồng thời vào năm học 2022-2023 một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tăng mức học phí. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 7,88% do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở và nhà ở thuê tăng. Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 4,74% do dịch Covid-19 được kiểm soát, giá tour, khách sạn, nhà hàng tăng khi nhu cầu du lịch trong nước tăng. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,29%, chủ yếu do dịch Covid-19 được kiểm soát, giá dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng 5,71%; thực phẩm tăng 3,84%; lương thực tăng 3,64%. Nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 02/2023 tăng 3,85% chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng tăng trong dịp Tết Nguyên đán, giá nguyên liệu sản xuất đồ uống, chi phí vận chuyển tăng. Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng Hai tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,75%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,65%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,63%.

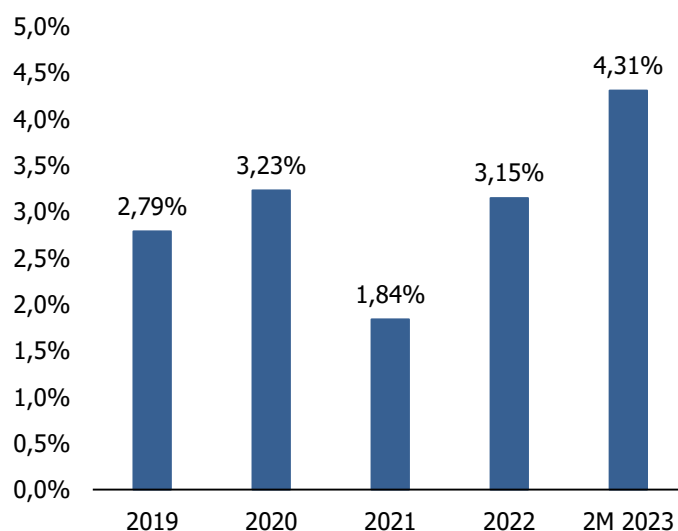
Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,26% do giá phụ kiện điện thoại thông minh giảm. Nhóm giao thông giảm 0,18% do giá xăng dầu tăng cao trong các tháng đầu năm 2022 sau đó liên tiếp giảm trong các tháng cuối năm.

Tăng trưởng GDP (n/n) của Việt Nam



Nguồn: TCTK.

Lạm phát bình quân 5 năm gần đây của Việt Nam



Nguồn: TCTK.

Hoạt động thương mại

Trong tháng 2/2023 kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 49,46 tỷ USD, tăng 6,2% so với tháng trước và tăng 1,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Cán cân thương mại hàng hóa tháng Hai ước tính xuất siêu 2,3 tỷ USD. Tính chung hai tháng đầu năm 2023, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 2,82 tỷ USD (cùng kỳ năm trước nhập siêu 0,3 tỷ USD).

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 02/2023 ước đạt 25,88 tỷ USD, tăng 9,8% so với tháng trước và tăng 11% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung hai tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 49,44 tỷ USD, giảm 10,4% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 13,06 tỷ USD nhưng giảm 21% so với cùng kỳ. Riêng đối với thị trường Trung Quốc, với chính sách mở cửa trở lại từ đầu năm 2023 sau gần ba năm thực hiện chính sách "Zero Covid" đã tác động tích cực đến xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này. Trong đó, xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Trung Quốc trong tháng 02 tháng đầu năm đạt 8,17 tỷ USD, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

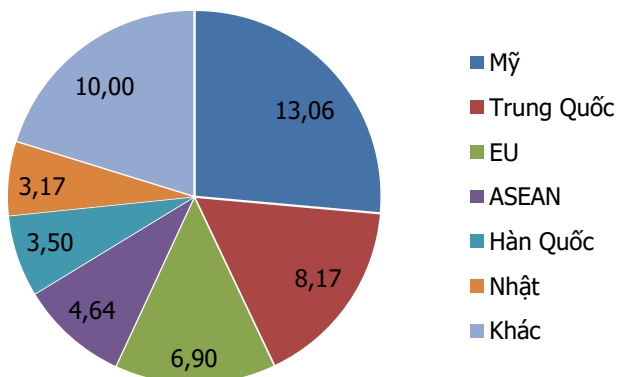
Trong 2 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu của hầu hết nhóm hàng đều giảm, ngoại trừ nhóm hàng nhiên liệu khoáng sản. Xuất khẩu nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản tăng nhẹ (+4,3% n/n) trong 2 tháng đầu năm 2023, ước đạt 626 triệu USD chủ yếu do xuất khẩu dầu thô tăng 12,4% so với cùng kỳ.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 02/2023 ước đạt 23,58 tỷ USD, tăng 2,3% so với tháng trước và giảm 6,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung hai tháng đầu năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 46,62 tỷ USD, giảm 16% so với cùng kỳ năm trước. Trung Quốc tiếp tục là nguồn cung hàng hoá lớn nhất cho Việt Nam trong tháng đầu năm 2023 với kim ngạch ước đạt 14,6 tỷ USD, giảm 21,2% so với cùng kỳ năm 2022.

Về cơ cấu hàng hóa nhập khẩu hai tháng đầu năm 2023. Nhập khẩu nhóm hàng nguyên liệu sản xuất (nhóm hàng cần nhập khẩu) chiếm 88,4%, ước đạt 41,2 tỷ USD, (-16,6% n/n). Trong đó, nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử ước đạt 12,76 tỷ USD, (-8,3% n/n); máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 5,53 tỷ USD, (-21,8% n/n); vải các loại đạt 1,64 tỷ USD, (-30,3% n/n); điện thoại các loại và linh kiện đạt 1,39 tỷ USD, (-62% n/n), ...

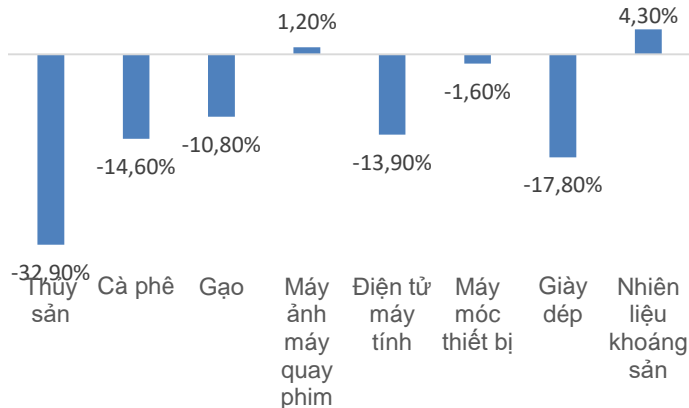
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Hai ước đạt 481,8 nghìn tỷ đồng, giảm 6% so với tháng trước và tăng 13,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung hai tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 994,2 nghìn tỷ đồng (+13% n/n).

Thị trường xuất khẩu của Việt Nam 2T.2023 (tỷ USD)



Nguồn: TCTK.

Tăng trưởng mặt hàng XK chính của VN 2T.2023 (%n/n)



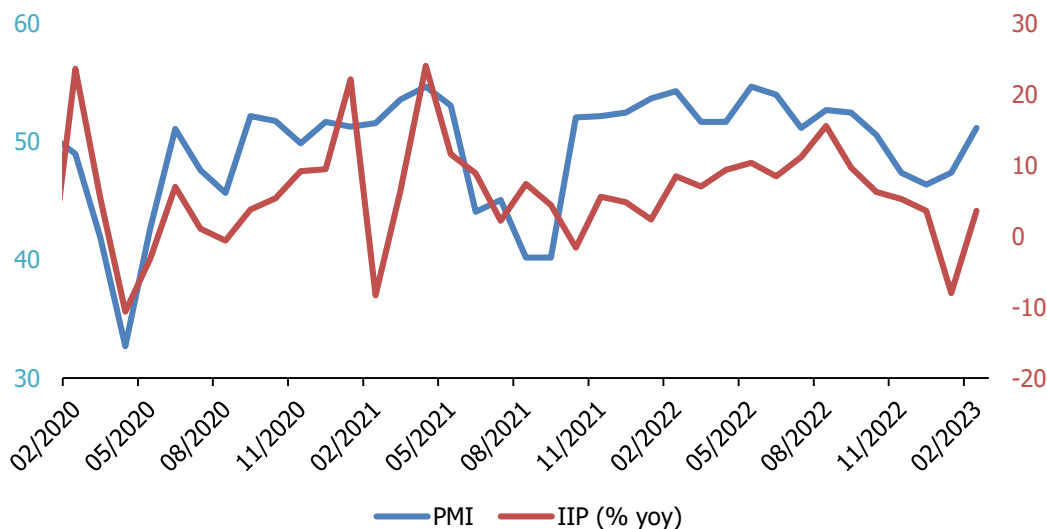
Nguồn: TCTK.

Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 02/2023 ước tính tăng 5,1% so với tháng trước và tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung hai tháng đầu năm 2023, IIP ước giảm 6,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành khai khoáng giảm 3,8%, làm giảm 0,6 điểm phần trăm trong mức tăng chung; ngành chế biến, chế tạo giảm 6,9%, làm giảm 5,3 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện giảm 5,2%, làm giảm 0,5 điểm phần trăm; riêng ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,3%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm.

S&P Global đánh giá, kết quả cho thấy sức khỏe ngành sản xuất đã bắt đầu cải thiện sau thời kỳ suy giảm kéo dài ba tháng. Sự cải thiện nhu cầu thị trường là nhân tố chính đóng góp vào sự tăng trưởng này. Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam đã tăng trở lại lên trên ngưỡng 50 điểm vào tháng 2/2023 (từ mức 47,4 điểm trong tháng 1/2023 lên mức 51,2 điểm). Điều này cho thấy ngành sản xuất của Việt Nam trong tháng 2/2023 đã ghi nhận tăng trưởng trở lại khi số lượng đơn đặt hàng mới tăng trở lại với sự hỗ trợ của tình trạng tăng sản lượng, việc làm và hoạt động mua hàng. Nhu cầu cải thiện đã khiến niềm tin kinh doanh tăng lần thứ ba liên tiếp.

Chỉ số PMI sản xuất và IIP (% so với cùng kỳ) của Việt Nam



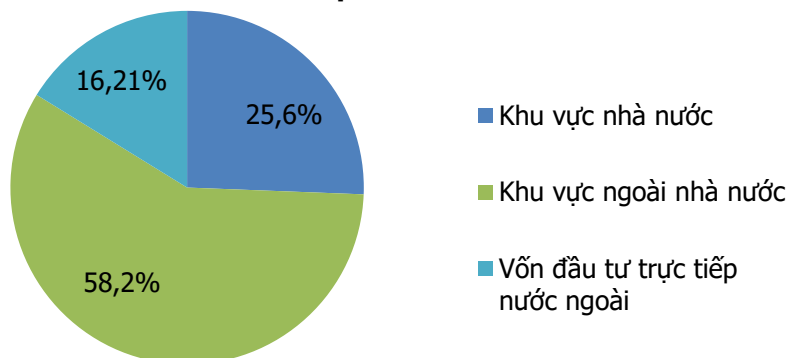
Nguồn: Bloomberg.

Đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng Hai ước đạt gần 30 nghìn tỷ đồng, tăng 36,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung hai tháng đầu năm 2023, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 56,9 nghìn tỷ đồng, bằng 8,3% kế hoạch năm và tăng 18,3% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 bằng 8% và tăng 14,6%).

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/02/2023 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 3,1 tỷ USD, giảm 38% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam hai tháng đầu năm 2023 ước tính đạt 2,55 tỷ USD, giảm 4,9% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư toàn xã hội 2022



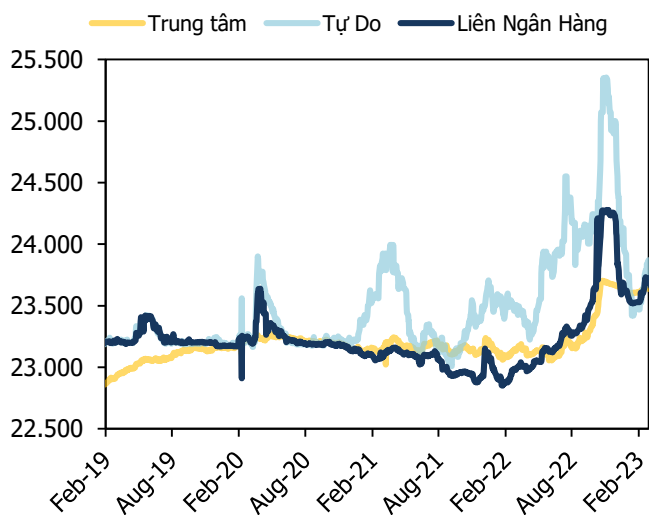
Nguồn: TCTK.

Tỷ giá

Giá trị đồng USD với một số đồng tiền trong khu vực có xu hướng tăng từ đầu tháng 2 cho đến nay. So với cuối tháng 1, tỷ giá VND/USD trên thị trường tự do tăng 245 đồng và hiện giao dịch ở mức 23.755 đồng/USD. Tỷ giá trung tâm và liên ngân hàng lần lượt giao dịch ở mức 23.639 đồng/USD, tăng 30 đồng và 23.669 đồng/USD, tăng 139 đồng.

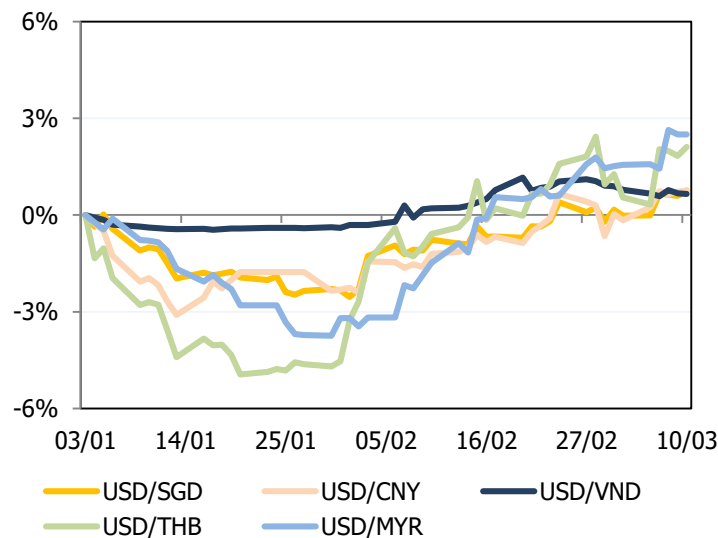
Chỉ số USD Index đang ghi nhận ở mức 105,28. Chỉ số USD index đã tăng gần 3% trong tháng 2, do hàng loạt dữ liệu kinh tế mạnh mẽ của Mỹ trong những tuần gần đây làm tăng kỳ vọng của thị trường rằng Cục Dự trữ Liên bang (Fed) sẽ phải tăng lãi suất cao hơn và lâu hơn so với dự đoán trước đó của thị trường để chống lại lạm phát. Các nhà đầu tư hiện đang kỳ vọng lãi suất quý của Fed sẽ đạt đỉnh chỉ trên 5,4% vào tháng 9, so với mức cao nhất dự đoán là khoảng 4,7% vào đầu tháng.

Tỷ giá VND/USD



Nguồn: Bloomberg

Diễn biến tỷ giá một số đồng tiền so với USD



Nguồn: Bloomberg

Các chỉ số kinh tế Việt Nam

Các chỉ tiêu kinh tế	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
1. GDP, dân số và thu nhập							
GDP Danh Nghĩa (tỷ USD)	193,2	205,3	223,8	245,2	262,4	270,0	409
Tăng trưởng GDP (%)	6,69	6,94	7,47	7,36	2,87	2,56	8,02
Xuất khẩu hàng hóa (% yoy)	7,9	9,0	21,8	13,2	8,4	6,5	10,6
Nhập khẩu hàng hóa (% yoy)	12,0	5,6	21,9	11,1	6,8	3,6	8,4
Dân số (triệu người)	93,6	94,6	95,5	96,4	97,7	98,5	99,3
GDP/đầu người (USD)	2.086	2.172	2.353	2.551	2.740	2.750	4.110
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	2,33	2,33	2,2	2,2	2,2	2,9	2,32
2. Chỉ số tài khóa (%GDP)							
Nợ chính phủ	52,7	51,7	50	49,2	51,5	39,5	34,7
Nợ công	61,4	58,4	56,1	58,7	43,7	58,7	38
Nợ nước ngoài	44,8	48,9	46	45,8	47,0	47,1	36,8
3. Các chỉ số tài chính							
Tỷ giá USD/VND	22.740	22.690	23.180	23.228	23.115	23.145	23.612
Lạm phát (%)	2,7	3,5	3,5	2,8	3,23	1,94	3,15
Tăng trưởng tín dụng (%)	17,1	18,7	18,2	13,9	12,1	11	14,5
Lãi suất cho vay 12 tháng	8,5	8,5	8,5	8,5	8,5	8	9,5
Cán cân thương mại (triệu USD)	-3.759	1.602	1.903	6.795	11.100	19.100	11.200
Hàng hóa: Xuất khẩu (triệu USD)	162.017	176.581	215.119	243.483	264.200	267.100	371.850
Hàng hóa: Nhập khẩu (triệu USD)	174.978	213.215	236.688	253.100	251.000	332.250	360.650
Tổng dự trữ ngoại hối (triệu USD)	36.906	49.497	54.491	79.000	100.000	110.000	89.000

Nguồn: MBS tổng hợp và dự phóng.

SẢN PHẨM

Sản phẩm này cập nhật những diễn biến mới nhất của nền kinh tế Việt Nam. Báo cáo tập trung vào các vấn đề kinh tế vĩ mô quan trọng như lạm phát, tăng trưởng kinh tế, cán cân thương mại, tỷ giá và các chính sách vĩ mô. Báo cáo này cũng dự báo những biến số ảnh hưởng lớn đến thị trường chứng khoán. MBS phát hành báo cáo này, nhưng những sai sót nếu có thuộc về tác giả. Chúng tôi cảm ơn khách hàng đã đọc và gửi phản hồi về các sản phẩm của chúng tôi.

KHOẪI NGHIÊN CỨU

Chúng tôi cung cấp các nghiên cứu kinh tế và cổ phiếu. Bộ phận nghiên cứu kinh tế đưa ra các báo cáo định kỳ về các vấn đề kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ và thị trường trái phiếu. Bộ phận nghiên cứu cổ phiếu chịu trách nhiệm các báo cáo về công ty niêm yết, báo cáo công ty tiềm năng và báo cáo ngành. Khối Nghiên Cứu cũng đưa ra các bình luận và nhận định về thị trường thông qua bản tin là The Investor Daily.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP. HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác. Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp. Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty CP Địa ốc MB (MB Land), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC), MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS tự hào được nhìn nhận là

- Công ty môi giới hàng đầu, đứng đầu về thị phần môi giới từ năm 2009;
- Công ty nghiên cứu có tiếng nói trên thị trường với đội ngũ chuyên gia phân tích có kinh nghiệm, cung cấp các sản phẩm nghiên cứu về kinh tế và thị trường chứng khoán; và
- Nhà cung cấp đáng tin cậy các dịch vụ về nghiệp vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty quy mô vừa.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội
ĐT: + 84 24 7304 5688 - Fax: +84 3726 2601
Website: www.mbs.com.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.